

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/DS-ST

Ngày: 03/9/2025

V/v tranh chấp di sản thừa kế

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Thanh Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trường

Bà Hồ Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Việt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Nghiên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 8 năm 2025, ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp di sản thừa kế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Minh H, sinh năm 1957; Địa chỉ: Khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trương Thị Kim T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (có mặt) – Văn bản ủy quyền ngày 31/10/2023.

2. Bị đơn: Ông Trương Tuấn B, sinh năm 1989; Địa chỉ: Khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trương Thị H1, sinh năm 1951; Địa chỉ: Khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3.2. Ông Trương Minh N, sinh năm 1954; Địa chỉ: Khu V, phường L, thành phố N, tỉnh Hậu Giang (nay là phường N, thành phố Cần Thơ) (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3.3. Ông Trương Minh H2, sinh năm 1958; Địa chỉ: Khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3.4. Bà Trần Thị H3, sinh năm 1959; Địa chỉ: Khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (vắng mặt).

3.5. Ông Trương Minh H4, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3.6. Bà Trương Thị Mỹ H5, sinh năm 1987; Địa chỉ: Khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1980; Địa chỉ: Khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (vắng mặt).

4.2. Bà Lâm Ngọc H6, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (vắng mặt).

4.3. Ông Lưu Thanh P, sinh năm 1985; G, đường P, phường P, tỉnh Vĩnh Long (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn bà Trương Thị Kim T trình bày:

Theo bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thì bà Trần Thị H7 được nhận 87.500.000 đồng, hiện nay số tiền này chưa thi hành án, đang do cơ quan thi hành án tạm giữ. Bà Trần Thị H7 chết 01/4/2022, bà H7 có chồng là ông Trương Minh S (chết ngày 29/8/2003) có tổng cộng 06 người con gồm bà Trương Thị H1, ông Trương Minh N, ông Trương Minh H, ông Trương Minh V (chết năm 2019), bà Trương Thị A (đã đi vượt biên năm 1975, không có thông tin còn sống hay đã chết), ông Trương Minh H2. Ông Trương Minh V có vợ là bà Trần Thị H3, có 03 người con là Trương Minh H4, Trương Thị Mỹ H5, Trương Tuấn B. Ngoài ra, nguyên đơn cam kết không còn ai khác thuộc hàng thừa kế.

Sau khi bà H7 chết, nguyên đơn phát hiện vào ngày 06/01/2020, bà Trần Thị H7 có lập di chúc với nội dung nhằm chuyển toàn bộ quyền được thụ hưởng di sản thừa kế của bà H7 đối với tài sản là di sản do ông Trương Minh V để lại sau khi bà H7 qua đời. Các bên có lập Vi bằng số 02/2020/VB-TPLCT lập ngày 06/01/2020 của Văn phòng T2. Nguyên đơn cho rằng việc lập di chúc của bà H7 là không hợp pháp vì bà H7 không biết chữ, yêu cầu tuyên bố di chúc ngày 06/01/2020 là vô hiệu. Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế số tiền 87.500.000 đồng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn thống nhất được nhận số tiền $\frac{1}{2}$ di sản, tương ứng 43.750.000 đồng.

Bị đơn ông Trương Tuấn B trình bày: Khi còn sống bà Trần Thị H7 có lập di chúc ngày 06/01/2020, đã được lập Vi bằng số 02/2020/VB-TPLCT lập ngày 06/01/2020 của Văn phòng T2 cho ông Trương Tuấn B được thụ hưởng di sản thừa kế của bà H7 đối với tài sản là di sản do ông Trương Minh V để lại sau khi bà H7 qua đời. Do đó, bị đơn không thống nhất yêu cầu chia di sản thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Trương Thị H1 trình bày: Đối với số tiền 87.500.000 đồng di sản của bà H7 để lại, bà H1 thống nhất để cho ông Trương Minh H được hưởng theo quy định pháp luật.

- Ông Trương Minh N trình bày: Đối với số tiền 87.500.000 đồng di sản của bà H7 để lại, ông N thống nhất để cho ông Trương Minh H được hưởng theo quy định pháp luật.

- Ông Trương Minh H2 trình bày: Đối với số tiền 87.500.000 đồng di sản của bà H7 để lại, ông H2 thống nhất để cho ông Trương Minh H được hưởng theo quy định pháp luật.

- Bà Trần Thị H3 trình bày: Bà H3 là vợ của ông Trương Minh V. Đối với số tiền 87.500.000 đồng di sản của bà H7 để lại, bà H3 không có ý kiến, yêu cầu gì, nếu Tòa án giải quyết chia số tiền này thì bà H3 thống nhất để cho ông Trương Tuấn B được hưởng theo quy định pháp luật.

- Ông Trương Minh H4 trình bày: Ông H4 là con ruột của ông Trương Minh V với bà Trần Thị H3. Đối với số tiền 87.500.000 đồng di sản của bà H7 để lại ông H4 thống nhất để cho ông Trương Minh H được hưởng theo quy định pháp luật.

- Bà Trương Thị Mỹ H5 trình bày: Bà H5 là con ruột của ông Trương Minh V với bà Trần Thị H3. Đối với số tiền 87.500.000 đồng di sản của bà H7 để lại bà Trương Thị Mỹ H5 không yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Những người làm chứng trình bày:

- Ông Nguyễn Văn T1, bà Lâm Ngọc H6 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Ông Lưu Thanh P trình bày: Ngày 06 tháng 01 năm 2020, ông P được bà Trần Thị H7 tín nhiệm nhờ đánh máy Di chúc để phân chia di sản nhằm chuyển toàn bộ quyền được thụ hưởng di sản thừa kế của bà đối với di sản của ông Trương Minh V để lại sau khi bà qua đời. Ông P đã đánh máy nội dung di chúc theo yêu cầu của bà Trần Thị H7 và đọc lại toàn bộ nội dung cho bà H7 nghe và đồng ý đúng với ý nguyện. Đồng thời, bà H7 có nhờ 02 người làm chứng ký vào nội dung di chúc và có nhờ Thừa phát lại lập Vi bằng để ghi nhận sự việc. Bản thân ông P được sự tin tưởng nhờ đánh máy theo yêu cầu của bà H7 và được yêu cầu đọc lại toàn bộ nội dung cho bà H7 đúng với ý nguyện, không phải là người làm chứng trong nội dung di chúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ phát biểu:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Minh H. Tuyên bố di chúc ngày 06/01/2020, đã được lập Vi bằng số 02/2020/VB-TPLCT ngày 06/01/2020 của Văn phòng T2 không hợp pháp. Ông Trương Minh H được nhận số tiền 43.750.000 đồng (Bốn mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó có số tiền 7.291.666 đồng (Bảy triệu, hai trăm chín mươi một nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng) được tạm giao quản lý cho bà Trương Thị A. Ông Trương Tuấn B được nhận số tiền 43.750.000 đồng (Bốn mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó có số tiền 7.291.666 đồng (Bảy triệu, hai trăm chín mươi một nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng) được tạm giao quản lý cho bà Trương Thị A. Ông Trương Minh H, ông Trương Tuấn B được quyền liên hệ với cơ quan thi hành án có thẩm quyền nhận lại số tiền được nhận và các khoản lãi phát sinh đã được gửi tiết kiệm. Bà Trương Thị A có quyền đòi lại số tiền đã được tạm giao cho ông Trương Minh H và ông Trương Tuấn B thành vụ án khác khi bà Trương Thị A có yêu cầu. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trương Minh H được miễn án phí do thuộc đối tượng người cao tuổi. Ông Trương Tuấn B phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Trương Minh H khởi kiện ông Trương Tuấn B yêu cầu tuyên bố di chúc ngày 06/01/2020 là vô hiệu, đồng thời chia thừa kế số tiền 87.500.000 đồng theo quy định pháp luật. Bị đơn ông Trương Tuấn B có nơi cư trú trên địa bàn phường L. Do đó, đây là “Tranh chấp chia di sản thừa kế”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 609 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa, bà Trương Thị H1, ông Trương Minh N, ông Trương Minh H2, ông Trương Minh H4, bà Trương Thị Mỹ H5, ông Lưu Thanh P có yêu cầu giải quyết vắng mặt; Ông Trương Tuấn B, bà Trần Thị H3, ông Nguyễn Văn T1, bà Lâm Ngọc H6 vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về xác định di sản thừa kế của bà Trần Thị H7 để lại.

Căn cứ vào bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thì bà Trần Thị H7 được nhận

87.500.000 đồng. Căn cứ vào Công văn số 106/CV-THADS ngày 12/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Cần Thơ) xác định cơ quan thi hành án dân sự đã thu khoản tiền 87.500.000 đồng theo bản án tuyên cho bà Trần Thị H7, Chấp hành viên đang gửi tiết kiệm số tiền này tại Ngân hàng TMCP B1 (nay là Ngân hàng L). Do đó, Hội đồng xét xử xác định số tiền 87.500.000 đồng là di sản của bà Trần Thị H7 theo Điều 612 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét tính hợp pháp của di chúc lập ngày 06/01/2020.

Nguyên đơn cho rằng, bà Trần Thị H7 không biết chữ nên không thể tự mình lập di chúc. Điều này phù hợp với di chúc lập ngày 06/01/2020 thể hiện người lập di chúc là bà Trần Thị H7 chỉ lấn tay, không ký tên vào bản di chúc. Xét thấy, mặc dù di chúc lập ngày 06/01/2020 là di chúc bằng văn bản có người làm chứng là Nguyễn Văn T1 và Lâm Ngọc H6 nhưng bà Trần Thị H7 là người không biết chữ, di chúc được xác định là do ông Lưu Thanh P đánh máy. Tuy nhiên, căn cứ vào khoản 3 Điều 630 Bộ luật Dân sự năm 2015, di chúc hợp pháp phải được người làm chứng lập thành văn bản và có công chứng hoặc chứng thực. Mặc dù, di chúc nêu trên đã được lập Vi bằng số 02/2020/VB-TPLCT ngày 06/01/2020 của Văn phòng T2 nhưng nội dung Vi bằng cũng đã thể hiện rõ “Vi bằng không thay thế các văn bản công chứng, chứng thực”. Do đó, di chúc lập ngày 06/01/2020 không hợp pháp theo Điều 630 Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 650 Bộ luật Dân sự năm 2015 phát sinh thừa kế theo pháp luật.

[2.3] Về xác định hàng thừa kế theo pháp luật của bà Trần Thị H7 và phân chia di sản.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Trần Thị H7 chết 01/4/2022, bà H7 có chồng là ông Trương Minh S (chết ngày 29/8/2003) có tổng cộng 06 người con gồm bà Trương Thị H1, ông Trương Minh N, ông Trương Minh H, ông Trương Minh V (chết năm 2019 - chết trước bà H7), bà Trương Thị A (đã đi vượt biên năm 1975, không có thông tin còn sống hay đã chết), ông Trương Minh H2. Ông Trương Minh V có vợ là bà Trần Thị H3, có 03 người con là Trương Minh H4, Trương Thị Mỹ H5, Trương Tuấn B. Căn cứ vào Điều 651, Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị H7 bao gồm: bà Trương Thị H1; ông Trương Minh N; ông Trương Minh H; bà Trương Thị A; ông Trương Minh H2 và thừa kế thế vị của ông Trương Minh V gồm ông Trương Minh H4, bà Trương Thị Mỹ H5, ông Trương Tuấn B. Căn cứ khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015, về nguyên tắc di sản của bà Trần Thị H7 được chia thành 06 phần, tương ứng mỗi kỹ phần là 14.583.333 đồng.

Theo đó, bà Trương Thị H1; ông Trương Minh N; ông Trương Minh H; bà Trương Thị A; ông Trương Minh H2 được hưởng mỗi người là 14.583.333 đồng. Ông Trương Minh H4, bà Trương Thị Mỹ H5, ông Trương Tuấn B (thừa kế thế vị của ông Trương Minh V) mỗi người được hưởng số tiền 14.583.333 đồng : 3 = 4.861.111 đồng. Tuy nhiên, bà Trương Thị H1; ông Trương Minh N; ông Trương

Minh H2, ông Trương Minh H4 thống nhất để lại cho ông Trương Minh H được hưởng. Bà Trương Thị Mỹ H5 không có yêu cầu gì.

Như vậy, căn cứ vào ý chí tự nguyện của các đương sự thì ông Trương Minh H được hưởng thừa kế nhiều hơn ông Trương Tuấn B. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn có ý kiến thống nhất chia đôi số tiền 87.500.000 đồng cho ông H và ông B được hưởng. Theo đó, ông H được hưởng số tiền 43.750.000 đồng, ông B được hưởng số tiền 43.750.000 đồng. Điều này là có lợi cho bị đơn ông Trương Tuấn B.

Đối với bà Trương Thị A, theo lời khai của các bên thì bà Trương Thị A đã đi vượt biên ở nước ngoài trước ngày 30/4/1975, hiện nay không có thông tin là còn sống hay đã chết. Tòa án đã ban hành Thông báo số 20/TB-TA ngày 11/4/2025 yêu cầu các đương sự cung cấp thông tin cư trú, địa chỉ cụ thể, năm sinh của bà Trương Thị A nhưng các đương sự không cung cấp được. Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 29/08/2025 của Công an phường L xác định không có thông tin cư trú của bà Trương Thị A tại địa phương.

Căn cứ vào Án lệ số 06/2016/AL phần thừa kế của bà Trương Thị A sẽ tạm giao cho ông Trương Minh H và ông Trương Tuấn B quản lý để sau này bà Trương Thị A có quyền hưởng theo pháp luật. Theo đó, tạm giao cho ông Trương Minh H quản lý số tiền 7.291.666 đồng, tạm giao cho ông Trương Tuấn B quản lý số tiền 7.291.666 đồng tương ứng với 01 kỷ phần bà Trương Thị A được hưởng từ di sản của bà Trần Thị H7 để lại. Sau này, bà Trương Thị A có quyền đòi lại số tiền này thành vụ án khác khi bà Trương Thị A có yêu cầu.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nguyên đơn được miễn án phí do thuộc đối tượng người cao tuổi, bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 609, Điều 612, Điều 613, Điều 624, Điều 630, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Án lệ số 06/2016/AL.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Minh H.

[2] Tuyên bố di chúc ngày 06/01/2020, đã được lập Vi bằng số 02/2020/VB-TPLCT ngày 06/01/2020 của Văn phòng T2 không hợp pháp.

[3] Ông Trương Minh H được nhận số tiền 43.750.000 đồng (Bốn mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó có số tiền 7.291.666 đồng (Bảy triệu, hai trăm chín mươi một nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng) được tạm giao quản lý cho bà Trương Thị A.

Ông Trương Tuấn B được nhận số tiền 43.750.000 đồng (Bốn mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó có số tiền 7.291.666 đồng (Bảy triệu, hai trăm chín mươi một nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng) được tạm giao quản lý cho bà Trương Thị A.

Ông Trương Minh H, ông Trương Tuấn B được quyền liên hệ với cơ quan thi hành án có thẩm quyền nhận lại số tiền được nhận và các khoản lãi phát sinh đã được gửi tiết kiệm.

Bà Trương Thị A có quyền đòi lại số tiền đã được tạm giao cho ông Trương Minh H và ông Trương Tuấn B thành vụ án khác khi bà Trương Thị A có yêu cầu.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Trương Minh H được miễn án phí do thuộc đối tượng người cao tuổi.

- Ông Trương Tuấn B phải chịu án phí số tiền 2.187.500 đồng (Hai triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng)

[5] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Ông Trương Minh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/9/2025). Ông Trương Tuấn B, bà Trương Thị H1, ông Trương Minh N, ông Trương Minh H2, ông Trương Minh H4, bà Trương Thị Mỹ H5, bà Trần Thị H3 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 12 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 12 – Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Châu Thanh Quyền

